

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **580/2023/KDTM-PT**

Ngày: 18/5/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Thẩm Phán: 1. Bà Trương Thị Thảo
2. Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19/4/2023 và 18/5/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/TLPT-KDTM ngày 28/12/2022 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 132/2022/KDTM-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2023/QĐXX-PT ngày 07/03/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2071/QĐ-HPT ngày 27/03/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T - Địa chỉ: Tháp B, Số 35 H, quận K, Thành phố N - Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị H A và ông Lê T A là đại diện theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 374/CÔNG TY T-TTXLN2 ngày 19/5/2021.

Bị đơn: Công ty G

Địa chỉ: 109 Đ, phường B, Quận N, Thành phố H - Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Khắc C đại diện theo giấy ủy quyền số 01/2021/UQ-GAC ngày 25/01/2021 của bà Trần Thị Ngọc B - Giám đốc - Địa chỉ: Số 64 H, tổ ấp S, xã T, huyện C, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị L; Địa chỉ: 107/12 T, Phường D (nay là Phường V), Quận F, Thành phố H.

2. Ông Dương Văn T; Địa chỉ: 38 H, phường T, quận P, Thành phố H.

3. Bà Huỳnh Diệp H; Địa chỉ: 38 H, phường T, quận P, Thành phố H.

4. Ông Huỳnh Đức D; Địa chỉ: 212/116 N, phường Đ, Quận Q, Thành phố H.

5. Bà Trần Thị Chí C; Địa chỉ: 212/116 N, phường Đ, Quận Q, Thành phố H.

6. Ông Trần Anh V; Địa chỉ: 38 đường Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn; Vắng mặt bà L, ông T, bà H, ông D, bà C và ông V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng T trình bày:

CÔNG TY T và Công ty G có ký kết Hợp đồng tín dụng số 38/2018/8539877/HĐTD ngày 06/06/2018 (Sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng) và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 85/2018/8539877/HĐTD ngày 08/08/2018 tại CÔNG TY T - Chi nhánh T S; Nội dung của hợp đồng như sau:

- Số tiền vay: CÔNG TY T cho Công ty G vay theo hạn mức thường xuyên với số tiền 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng);

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C... phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng;

- Thời hạn vay: 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng nhưng không quá ngày 31/07/2019;

- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

- Phương thức thanh toán: Khi bất cứ một món nợ nào (gốc, lãi) đến hạn, Khách hàng chủ động trả nợ cho Ngân hàng hoặc Ngân hàng được quyền trích tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại Ngân hàng để thu nợ. Nếu hết hạn mà Khách hàng không trả hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được tự động trích tài khoản tiền gửi của Khách hàng (bao gồm cả tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trên toàn hệ thống Ngân hàng) để thu nợ. Trường hợp Khách hàng có tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng

khác, Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được lập Ủy nhiệm thu để thu nợ. Sau khi thực hiện, Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng biết;

- Thời hạn thanh toán: Kế hoạch trả nợ và thời điểm tính lãi của từng khoản nợ được xác định tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của Công ty G đối với Hợp đồng tín dụng trên, các Hợp đồng thế chấp sau được ký kết:

- CÔNG TY T và bà Trần Thị Chí C - ông Huỳnh Đức D ký kết Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 47/2018/8539877/HĐBĐ ngày 19/06/2018 tại Văn phòng công chứng Mai Việt C. Theo đó, Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ Tài sản thế chấp tại địa chỉ 8A1 đường 379 khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 169, 439, tờ bản đồ số 03 (theo tài liệu 299/TTg) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 411810, số vào sổ cấp GCN H00118/26842 do Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp ngày 19/01/2005 để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty G đối với CÔNG TY T phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa CÔNG TY T và Bên được bảo đảm bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Ngày 20/06/2018, CÔNG TY T và Bà Trần Thị Chí C - Ông Huỳnh Đức D hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch thế chấp như trên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- CÔNG TY T và bà Trương Thị L ký kết Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 194/2018/8539877/HĐTC ngày 28/12/2018 tại Văn phòng công chứng Mai Việt C. Theo đó, Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ Tài sản thế chấp tại địa chỉ 38 đường Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 100 theo Giấy chứng nhận Quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 602167, số vào sổ cấp GCN CH02915 do Ủy ban nhân dân Quận Tân Phú cấp ngày 30/06/2015 để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty G đối với CÔNG TY T phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa CÔNG TY T và Bên được bảo đảm bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Ngày 30/01/2019, CÔNG TY T và Bà Trương Thị L hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch thế chấp như trên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng tín dụng, CÔNG TY T đã giải ngân theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể ký kết với Công ty G. Theo đó:

- Số tiền nợ gốc đã giải ngân: 189.042.343.338 đồng;

- Số tiền nợ gốc và lãi bị đơn đã thanh toán: 87.590.133.973 đồng. Trong đó: Gốc: 84.400.000.000 đồng, Lãi: 3.190.133.973 đồng

Chi tiết các lần giải ngân cụ thể (đối với những khoản giải ngân còn dư nợ), như sau:

- Lần 1: Ngày 05/10/2018: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 22.000.000,000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.05/2018/8539877/HĐTD ngày 05/10/2018;

- Lần 2: Ngày 18/10/2018: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 7.400.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.06/2018/8539877/HĐTD ngày 18/10/2018;

- Lần 3: Ngày 03/01/2019: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 15.400.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.07/2018/8539877/HĐTD ngày 03/01/2019;

- Lần 4: Ngày 14/03/2019: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 15.000.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.09/2018/8539877/HĐTD ngày 14/3/2019;

- Lần 5: Ngày 15/03/2019: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 10.800.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.10/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019;

- Lần 6: Ngày 15/03/2019: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 3.700.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.11/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019;

- Lần 7: Ngày 21/03/2019: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 25.500.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.12/2018/8539877/HĐTD ngày 21/03/2019;

- Lần 8: Ngày 21/1/2020: Ngân hàng CÔNG TY T - Chi nhánh T S giải ngân cho Công ty G số tiền: 4.842.343.338 đồng, theo Thông báo cho vay bắt buộc số 60/CV-CÔNG TY T.TRS ngày 21/01/2020;

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho CÔNG TY T theo Hợp đồng tín dụng đã ký, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của CÔNG TY T. Vì vậy, CÔNG TY T khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết các yêu cầu như sau:

1. Buộc Công ty G (bên vay) phải trả nợ một lần số tiền tạm tính đến khởi kiện là: 112.027.124.101 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 104.642.343.338 đồng, nợ lãi: 7.384.780.763 đồng.

Ngoài ra, Công ty G vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành quyết định/bản án trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

2. Trường hợp, Công ty G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty G, gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AB 411810, sổ vào sổ cấp GCN H00118/26842 do Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp ngày 19/01/2005 tọa lạc tại Số nhà 8A1 đường 379 khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ sở hữu là ông Huỳnh Đức D và bà Trần Thị Chí C;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số BY 602167, sổ vào sổ cấp GCN CH02915 do Ủy ban nhân dân Quận Tân Phú cấp ngày 30/06/2015, tọa lạc tại 38 đường Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Cập nhật chuyển nhượng cho bà Trương Thị L ngày 08/10/2018.

Bị đơn là Công ty G do ông Võ Khắc C đại diện hợp pháp trình bày:

Thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng, tiền nợ gốc, lãi phát sinh. Nhưng do công ty đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị ngân hàng miễn cho công ty số tiền lãi quá hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L, ông Huỳnh Đức D, bà Trần Thị Chí C, ông Dương Văn T, bà Huỳnh Diệp H và ông Trần Anh V đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về vấn đề liên quan đến và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng. Tại phiên tòa các ông bà nêu trên tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện đồng thời cập nhật yêu cầu về tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử cụ thể như sau: 126.988.221.068 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu hai trăm hai mươi một ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 104.642.343.338 đồng, nợ lãi: 22.345.877.730 đồng. Bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn cho bị đơn số tiền lãi quá hạn.

Bản án số 132/2022/KDTM-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty G phải trả cho Ngân hàng T các khoản tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 38/2018/8539877/HĐTD ngày 06/06/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 85/2018/8539877/HĐTD ngày 08/08/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.05/2018/8539877/HĐTD ngày 05/10/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.06/2018/8539877/HĐTD ngày 18/10/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.07/2018/8539877/HĐTD ngày 03/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.09/2018/8539877/HĐTD ngày 14/3/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.10/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.11/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.12/2018/8539877/HĐTD ngày 21/03/2019; Thông báo cho vay bắt buộc số 60/CV-CÔNG TY T.TRS ngày 21/01/2020, gồm:

- Nợ gốc: 104.642.343.338 đồng

- Lãi trong hạn: 1.652.193.151 đồng;

- Lãi quá hạn: 20.693.684.579 đồng;

Tổng cộng: 126.988.221.068 đồng.

Kể từ ngày 22/7/2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cụ thể và Thông báo cho vay bắt buộc số 60/CV-CÔNG TY T.TRS ngày 21/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty G trả đủ toàn bộ số tiền còn nợ thì Ngân hàng T phải trả:

+ Cho ông Huỳnh Đức D và bà Trần Thị Chí C bản chính Giấy chứng nhận quyền đất số AB 411810; số vào sổ H00118/26842 do Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Tp. Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2005, cập nhật đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất ngày 16/11/2006 của tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 8A1 đường 379 khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cho bà Trương Thị L bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 602167, sổ vào sổ cấp GCN: CHO2915 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2015, cập nhật chuyển nhượng cho bà Trương Thị L ngày 08/10/2018 của tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 38 đường Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nếu Công ty G không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 8A1 đường 379 khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, và nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 38 đường Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để thanh toán thì Công ty G phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 30/8/2022 bà Trần Thị Ngọc B đại diện theo pháp luật Công ty G có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi trong hạn là 1.652.193.151 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu kháng cáo.
- Nguyên đơn đề nghị y án sơ thẩm;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và

nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc B đại diện theo pháp luật Công ty G làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị L, ông Huỳnh Đức D, bà Trần Thị Chí C, ông Dương Văn T, bà Huỳnh Diệp H và ông Trần Anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ về thời gian, địa điểm xét xử vụ án theo quy định nhưng đương sự trên không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung: Bị đơn Công ty G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi trong hạn là 1.652.193.151 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng T đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm. Đây là những vấn đề cần xem xét.

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đã xác nhận các bên ký kết hợp đồng tín dụng số 38/2018/8539877/HĐTD ngày 06/06/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 85/2018/8539877/HĐTD ngày 08/08/2018 và các bên cũng xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/7/2022) với số tiền nợ gốc là 104.642.343.338 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.652.193.151 đồng. Bị đơn không có ý kiến gì đối với Hợp đồng thế chấp tài sản, chỉ không đồng ý khoản tiền lãi quá hạn mà nguyên đơn tính đối với bị đơn là 20.693.684.579 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm lãi cho phía bị đơn vì tình hình kinh doanh hiện nay rất khó khăn.

[3.2] Xét, căn cứ vào Khoản 4 Điều 2 và Khoản 1 Điều 4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức); Điều 1 của các Khế ước nhận nợ; Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng ngày 30 tháng 12 năm 2016; Về sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại các hợp đồng tín

dụng về lãi suất cho vay và thời gian tính lãi suất quá hạn đối với các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 38.05/2018/8539877/HĐTD ngày 05/10/2018 áp dụng lãi suất trong hạn cố định: 5%/năm ngày chuyển nợ quá hạn: 04/04/2019;

- Hợp đồng tín dụng số 38.06/2018/8539877/HĐTD ngày 18/10/2018 áp dụng lãi suất trong hạn cố định: 6,5%/năm ngày chuyển nợ quá hạn: 17/04/2019;

- Hợp đồng tín dụng số 38.07/2018/8539877/HĐTD ngày 03/01/2019 áp dụng lãi suất trong hạn cố định: 6,5%/năm ngày chuyển nợ quá hạn: 02/05/2019;

- Hợp đồng tín dụng số 38.09/2018/8539877/HĐTD ngày 14/3/2019 áp dụng lãi suất trong hạn cố định 6,5%/năm ngày chuyển nợ quá hạn: 14/09/2019;

- Hợp đồng tín dụng số 38.10/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019 áp dụng lãi suất trong hạn cố định: 6,5%/năm ngày chuyển nợ quá hạn: 14/09/2019;

- Hợp đồng tín dụng số 38.11/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019 áp dụng lãi suất trong hạn cố định 6,5%/năm ngày chuyển nợ quá hạn: 14/09/2019;

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.12/2018/8539877/HĐTD ngày 21/03/2019 áp dụng lãi suất trong hạn cố định 6,5%/năm ngày chuyển nợ quá hạn: 14/09/2019.

[3.3] Ngoài ra, CÔNG TY T còn áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn cố định đã thỏa thuận theo từng hợp đồng cụ thể và Thông báo cho vay bắt buộc số 60/CV-CÔNG TY T.TRS ngày 21/01/2020 áp dụng lãi suất quá hạn cố định 15,6% kể từ ngày chuyển nợ quá hạn 04/02/2020 là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên và quy định pháp luật. Như vậy, phía nguyên đơn đã có giảm lãi cho phía bị đơn trong thời gian thực hiện hợp đồng. Do đó, kháng cáo của phía bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Từ nhận định nói trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên án phí của bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty G phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Buộc Công ty G phải trả cho Ngân hàng T các khoản tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 38/2018/8539877/HĐTD ngày 06/06/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 85/2018/8539877/HĐTD ngày 08/08/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.05/2018/8539877/HĐTD ngày 05/10/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.06/2018/8539877/HĐTD ngày 18/10/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.07/2018/8539877/HĐTD ngày 03/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.09/2018/8539877/HĐTD ngày 14/3/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.10/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.11/2018/8539877/HĐTD ngày 15/03/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 38.12/2018/8539877/HĐTD ngày 21/03/2019; Thông báo cho vay bắt buộc số 60/CV-CÔNG TY T.TRS ngày 21/01/2020, gồm:

- Nợ gốc: 104.642.343.338 (Một trăm lẻ bốn tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm tám mươi ba) đồng

- Lãi trong hạn: 1.652.193.151 (Một tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu một trăm chín mươi ba ngàn một trăm năm mươi một) đồng;

- Lãi quá hạn: 20.693.684.579 (Hai mươi tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi chín) đồng;

Tổng cộng: 126.988.221.068 (Một trăm hai mươi sáu tỷ chín trăm tám mươi tám triệu hai trăm hai mươi một ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng.

2.2 Kể từ ngày 22/7/2022, Công ty G vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cụ thể và Thông báo cho vay bắt buộc số 60/CV-CÔNG TY T.TRS ngày 21/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa

thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3 Trường hợp Công ty G trả đủ toàn bộ số tiền còn nợ thì Ngân hàng T phải trả:

- Cho ông Huỳnh Đức D và bà Trần Thị Chí C bản chính Giấy chứng nhận quyền đất số AB 411810; sổ vào sổ H00118/26842 do Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2005, cập nhật đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất ngày 16/11/2006 của tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 8A1 đường 379 khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cho bà Trương Thị L bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 602167, sổ vào sổ cấp GCN: CHO2915 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2015, cập nhật chuyển nhượng cho bà Trương Thị L ngày 08/10/2018 của tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 38 đường Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4 Nếu Công ty G không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 8A1 đường 379 khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà ở và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 38 đường Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để thanh toán thì Công ty G phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

3. Về án phí:

3.1 Công ty G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 234.998.221 (Hai trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn hai trăm hai mươi một) đồng. Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 110.013.562 (Một trăm mười triệu không trăm mười ba ngàn năm trăm sáu mươi hai) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0030045 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty G phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Cản trừ số tiền tạm

ứng án phí phúc thẩm mà Công ty G đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000306 ngày 25/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty G đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thảo Lê Thị Tuyết Trinh

Nguyễn Thị Thùy Dung

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung

